

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2023

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 134/2023/HNGĐ-TLST ngày 10/4/2023, về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2023/QĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Minh Th**, sinh ngày 31/12/1974.

HKTT: Số nhà 523 Trần P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh ngày 01/6/1972.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số nhà 523 Trần P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Canada

(Bà Th, ông T có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Minh Th trình bày: Bà và ông T tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 12/02/1996. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng qua điểm,

không tìm thấy tiếng nói chung. Đến tháng 4/2022 ông T sang Canada du lịch rồi ở lại, không về Việt Nam. Ông T có gọi điện trao đổi nội dung chưa biết khi nào về Việt Nam, từ khi đi nước ngoài ông T không quan tâm đến mẹ con bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung : Bà và ông T có ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1999, Nguyễn Thị Diệu L1, sinh ngày 05/5/2008 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/6/2011. Hiện nay cháu L đã trưởng thành, ly hôn bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu L1, cháu Hoàng A đang ở với bà, ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi hai con và tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T có tài sản chung là nhà đất tại số 523 Trần P, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do hiện ông T không ở Việt Nam, nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Th tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Hữu T hiện nay đang lao động tại Canada, theo xác minh của chính quyền địa phương thể hiện bố mẹ đẻ ông T đều đã chết, ở địa phương chỉ còn anh chị em ruột. Do bà Th không cung cấp được địa chỉ cụ thể của ông T nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của ông T thông qua người thân. Bà Nguyễn Thị Hồng V là chị gái ông T xác định, ông T hiện đang lao động tại Canada, không có mặt tại Việt Nam, bà sinh sống ở cạnh nhà ông T bà Th. Bà không biết địa chỉ của ông T ở nước ngoài nhưng ông T thường xuyên liên lạc với bà. Bà V đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho ông T biết. Thông qua gia đình ông T có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay bà Th có đơn xin ly hôn ông cũng đồng ý. Do điều kiện không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn nên ông đề nghị giải quyết vắng mặt. Ông đồng ý để bà Th nuôi hai con Nguyễn Thị Diệu L1 và Nguyễn Hoàng A, đối với con Nguyễn Thị Ngọc L đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng, ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Cháu Nguyễn Thị Diệu L1 và Nguyễn Hoàng A là con chung của ông T, bà Th có quan điểm khi bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của bà Th, ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho bà Th được ly hôn ông T. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Diệu L1, sinh ngày 05/5/2008 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/6/2011 cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Minh Th và ông Nguyễn Hữu T đều có hộ khẩu thường trú tại: số nhà 523 Trần P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện tại ông T đang lao động tại Canada, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Th không cung cấp được địa chỉ của ông T tại Canada. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu người thân của ông T cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình ông T được biết, ông T thường xuyên liên lạc với chị gái là Nguyễn Thị Hồng V. Bà V đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho ông T biết. Thông qua người thân ông T đã có quan điểm về việc ly hôn. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục có tình giấu địa chỉ.

Bà Th có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Thông qua gia đình ông T cũng có quan điểm đề nghị được giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Minh Th và ông Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 12/02/1996, do vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa Th, hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Nay bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và có

đơn xin ly hôn ông T, thông qua người thân ông T cũng có quan điểm đồng ý. Do vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông T và bà Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Minh Th và ông Nguyễn Hữu T có ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1999, Nguyễn Thị Diệu L1, sinh ngày 05/5/2008 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/6/2011. Ly hôn bà Th có nguyện vọng được nuôi cháu Linh và cháu Hoàng A. Đối với cháu L đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Thông qua gia đình ông T cũng có quan điểm nhất trí với quan điểm của bà Th. Xét thấy, ông T đang ở nước ngoài, nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc các con. Cháu L1 và cháu Hoàng A hiện đang ở với mẹ, được chăm sóc và phát triển tốt. Do vậy để ổn định cuộc sống của các cháu cần tiếp tục giao 2 cháu cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Minh Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Minh Th được ly hôn ông Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Diệu L1, sinh ngày 05/5/2008 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 17/6/2011 cho bà Nguyễn Minh Th chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông Nguyễn Hữu T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Minh Th phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số

AA/2021/0004435 ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Bà Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Minh Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THA tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn N;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền